

Ki-lô-gam

Họ và tên: _____

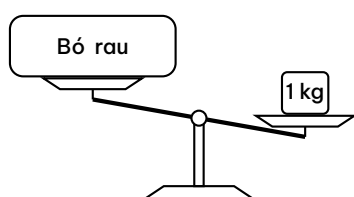
Ngày: _____

DẠNG 1. Xem cân

Gợi ý: đĩa nào thấp xuống thì vật bên đó nặng hơn; cân thăng bằng thì cộng số ghi trên các quả cân.

Bài 1. Nhìn cân rồi khoanh vào chữ đúng.

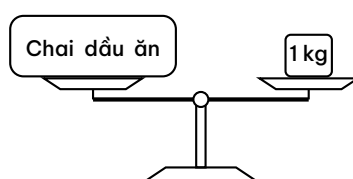
a)



Bó rau:

- nặng hơn 1 kg
- nhẹ hơn 1 kg
- nặng bằng 1 kg

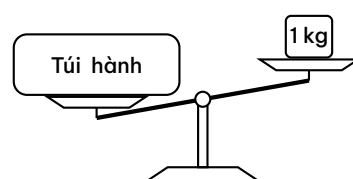
b)



Chai dầu ăn:

- nặng hơn 1 kg
- nhẹ hơn 1 kg
- nặng bằng 1 kg

c)

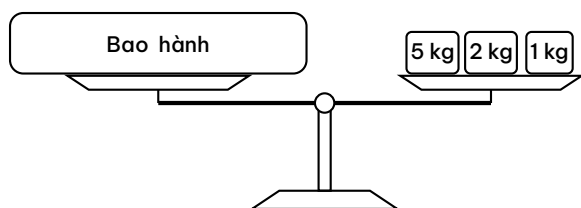


Túi hành:

- nặng hơn 1 kg
- nhẹ hơn 1 kg
- nặng bằng 1 kg

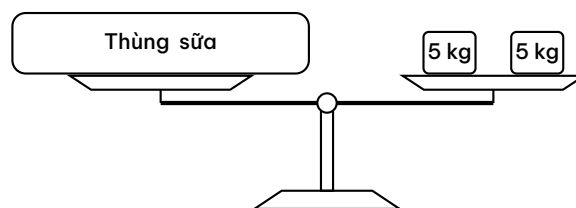
Bài 2. Số? (Cân thăng bằng.)

a)



Bao hành cân nặng kg.

b)



Thùng sữa cân nặng kg.

DẠNG 2. Tính với ki-lô-gam

Gợi ý: tính như số bình thường, rồi viết kg vào kết quả.

Bài 3. Tính.

a) $11\text{ kg} + 6\text{ kg} = \square$

b) $8\text{ kg} + 7\text{ kg} = \square$

c) $20\text{ kg} + 30\text{ kg} = \square$

d) $19\text{ kg} - 5\text{ kg} = \square$

e) $14\text{ kg} - 6\text{ kg} = \square$

f) $58\text{ kg} - 25\text{ kg} = \square$

Bài 4. Điền dấu $>$, $<$, $=$ vào ô trống.

a) $9\text{ kg} + 4\text{ kg} \square 12\text{ kg}$

.....

b) $15\text{ kg} - 7\text{ kg} \square 8\text{ kg}$

.....

c) $6\text{ kg} + 6\text{ kg} \square 20\text{ kg} - 7\text{ kg}$

.....

DẠNG 3. Bài toán có lời văn

Gợi ý: gộp lại hoặc *nặng hơn* thì cộng; *nhẹ hơn* hoặc bớt ra thì trừ. Viết đủ ba dòng.

Bài 5. Thùng táo nặng 32 kg. Thùng lê nặng hơn thùng táo 14 kg.

a) Hỏi thùng lê nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

.....

.....

.....

b) Hỏi cả hai thùng nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

.....

.....

.....

Bài 6. Bạn Minh đứng lên cân thì cân chỉ 26 kg. Minh đeo thêm cặp sách rồi đứng lên cân thì cân chỉ 29 kg. Hỏi chiếc cặp sách nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

.....

.....

.....

.....

(Trang này để trống)

Ki-lô-gam

DẠNG 1. Xem cân

Cách làm. Đĩa thấp xuống: vật bên đó nặng hơn. Đĩa cao lên: vật bên đó nhẹ hơn. Hai đĩa ngang nhau (thăng bằng): hai bên nặng bằng nhau. Có nhiều quả cân thì *cộng số ghi trên quả cân*, không đếm số quả cân.

Bài 1.

a) Đĩa bên bó rau cao lên. Đáp án: **nhẹ hơn 1 kg**

b) Đĩa bên chai dầu ăn: thăng bằng. Đáp án: **nặng bằng 1 kg**

c) Đĩa bên túi hành thấp xuống. Đáp án: **nặng hơn 1 kg**

Bài 2.

a) $5 + 2 + 1 = 8$ (cộng số ghi trên quả cân). Đáp án: **8 kg**

b) $5 + 5 = 10$ (cộng số ghi trên quả cân). Đáp án: **10 kg**

DẠNG 2. Tính với ki-lô-gam

Cách làm. Tính như với số bình thường. Viết kg ở cả hai số và ở kết quả. So sánh: tính từng bên trước, rồi mới điền dấu.

Bài 3.

a) $11 + 6 = 17$. Đáp án: **17 kg**

b) $8 + 7 = 15$. Đáp án: **15 kg**

c) $20 + 30 = 50$. Đáp án: **50 kg**

d) $19 - 5 = 14$. Đáp án: **14 kg**

e) $14 - 6 = 8$. Đáp án: **8 kg**

f) $58 - 25 = 33$. Đáp án: **33 kg**

Bài 4.

a) Vế trái 13 kg, vế phải 12 kg. Đáp án: **$9\text{ kg} + 4\text{ kg} > 12\text{ kg}$**

b) Vế trái 8 kg, vế phải 8 kg. Đáp án: $15 \text{ kg} - 7 \text{ kg} = 8 \text{ kg}$

c) Vế trái 12 kg, vế phải 13 kg. Đáp án: $6 \text{ kg} + 6 \text{ kg} < 20 \text{ kg} - 7 \text{ kg}$

DẠNG 3. Bài toán có lời văn

Cách làm. Bước 1: gạch chân các số ki-lô-gam và chữ *nặng hơn / nhẹ hơn / cả hai*.
Bước 2: chọn phép cộng hay phép trừ. Bước 3: viết câu lời giải, phép tính có (kg) trong ngoặc, đáp số có kg.

Bài 5.

a) Thùng lê nặng là: $32 + 14 = 46 \text{ (kg)}$. *Đáp số:* 46 kg. Đáp án: **46 kg**

b) Cả hai thùng nặng là: $32 + 46 = 78 \text{ (kg)}$. *Đáp số:* 78 kg. (Chú ý: dùng số cân của thùng lê vừa tìm được ở câu a, không lấy 14.) Đáp án: **78 kg**

Bài 6. Phần nặng thêm chính là chiếc cặp. Chiếc cặp sách nặng là: $29 - 26 = 3 \text{ (kg)}$. *Đáp số:* 3 kg. Đáp án: **3 kg**